TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 402/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 20 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 354/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đồng Chãu, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị **Bùi Thị Phương T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Phương T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* + Giao cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2013 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2016 cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Phương T đều xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Phương T đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: + Anh Nguyễn Đức T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000247, ngày 27 tháng 11 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chị Bùi Thị Phương T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn